

Số: 29 /QĐ-CĐBT-TCCB

Bến Tre, ngày 12 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế đào tạo Cao đẳng hệ vừa làm vừa học
Trường Cao đẳng Bến Tre

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẾN TRE

Căn cứ vào Văn bản hợp nhất số 17/CBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quyết định Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quyết định Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 25/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và viên chức tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 459/QĐ-CĐBT-TCCB ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Bến Tre;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đào tạo Cao đẳng hệ vừa làm vừa học Trường Cao đẳng Bến Tre”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các phòng/khoa và trung tâm có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng và các PHT;
- Lưu: VT, TCCB. (25b)



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thành Công

QUY CHẾ

Đào tạo cao đẳng hệ vừa làm vừa học

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-CĐBT-TCCB ngày 12 tháng 01 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo cao đẳng hệ vừa làm vừa học tại Trường Cao đẳng Bến Tre, bao gồm các nội dung về: tổ chức đào tạo; xét và công nhận tốt nghiệp; xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với các khóa đào tạo hệ vừa làm vừa học trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Bến Tre từ năm 2016.

Điều 2. Chương trình đào tạo cao đẳng, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện: đối tượng đào tạo, mục tiêu giáo dục, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp, khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập, kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

Chương trình Đào tạo (CTĐT) được các khoa của Trường Cao đẳng Bến Tre xây dựng trên cơ sở chương trình hệ chính quy cùng trình độ đào tạo.

2. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết, nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối hoàn chỉnh, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng của Trường Cao đẳng Bến Tre.

2. Các loại học phần:

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được lựa chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng

chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

c) Học phần tích lũy là học phần có điểm học phần đạt từ 5,0 trở lên. Số tín chỉ của các học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30- 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 giờ thực tập tại cơ sở; 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, ngoài số tiết học trên lớp sinh viên còn cần được giao thêm các công việc khác để bảo đảm cho mỗi tín chỉ phải tương ứng với ít nhất 45 tiết hoặc giờ làm việc.

Số tiết, số giờ đối với từng học phần cụ thể do trưởng khoa đề nghị, Hiệu trưởng quyết định và được ghi trong chương trình, đề cương chi tiết học phần.

4. Một tiết học được tính bằng 45 phút.

Điều 4. Tổ chức lớp học

Lớp học của sinh viên được tổ chức dưới hai hình thức:

- Lớp học ổn định được tổ chức theo chương trình đào tạo.
- Lớp học phân được tổ chức cho từng học phần dựa vào đăng ký học tập của sinh viên.

Mỗi lớp ổn định, lớp học phần có một ký hiệu do trường quy định.

CHƯƠNG II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 5. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Cao đẳng Bến Tre tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học.

Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Một khóa học cao đẳng được thực hiện 3,5 năm học .

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Trường phòng đào tạo dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

3. Thời gian tối đa được phép học để hoàn thành chương trình bao gồm thời gian quy định cho chương trình, cộng với thời gian tối đa SV được phép tạm ngừng học quy định tại khoản 4 Điều 12 của Quy chế này.

4. Đầu khóa học, trường thông báo công khai về nội dung và kế hoạch học tập của từng chương trình; quy chế đào tạo; nghĩa vụ và quyền lợi của SV.

5. Đầu mỗi năm học, trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

Điều 6. Đánh giá học phần

1. Học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: điểm học phần được tính từ các điểm thành phần: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm

thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần. Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%, điểm trung bình các thành phần còn lại có trọng số 40%.

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Điểm đánh giá bộ phận, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10); làm tròn đến một chữ số thập phân;

4. Điểm học phần được phân loại như sau:

Loại đạt: điểm học phần từ 5,0 trở lên

Loại không đạt: điểm học phần dưới 5,0

Điều 7. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với mục tiêu học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi do tổ bộ môn phụ trách HP ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi của trường.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên, được thể hiện trong Đề cương chi tiết HP.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau thi được Hiệu trưởng quy định tại một văn bản riêng. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần được thực hiện theo mẫu thống nhất do trường quy định, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản: một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về phòng Khảo thí & ĐBCLGD của trường, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

Điều 8. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Sinh viên được dự thi kết thúc HP nếu đạt các điều kiện sau:

1. Tham dự ít nhất 75% số tiết lên lớp quy định cho từng học phần.

2. Làm đầy đủ các bài thực hành, bài tập, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn.

Điều 9. Dự thi kết thúc học phần

1. Sinh viên có đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần phải dự thi theo đúng lịch do Trường quy định.

2. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng bị nhận điểm 0.

3. Sinh viên ốm đau, đi công tác đột xuất hoặc vì những lý do đặc biệt khác được đề nghị hoãn thi, khoa quản lý lớp quy định thủ tục hoãn thi cho SV. Nhà trường bố trí cho những SV này dự thi vào lần thi tiếp theo. Điểm thi được tính lần thi thứ nhất.

Điều 10. Thi lại, thi trả nợ và bảo lưu kết quả học phần

1. Sinh viên thi không đạt hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng ở lần thi thứ nhất, được dự thi lại một lần.

2. Sinh viên vắng mặt trên lớp quá mức quy định cho một học phần phải đăng ký học lại HP đó; SV không làm đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, bài tập, tiểu luận, bài tập lớn, nếu làm bổ sung đầy đủ, sẽ được dự thi ở kỳ thi lại. Điểm thi được tính lần thi thứ hai.

3. Sinh viên thi lại vẫn không đạt, nếu được xét học tiếp lên năm học sau phải đăng ký học để thi trả nợ học phần, số lần được thi trả nợ tối đa là hai lần.

4. Sinh viên đã tốt nghiệp một trường Đại học, cao đẳng được bảo lưu kết quả một số HP có cùng trình độ, nội dung và thời lượng với HP đã học.

Hiệu trưởng quy định về thời gian tổ chức thi lại, điều kiện và thủ tục cho SV được đăng ký học để thi trả nợ và bảo lưu kết quả học phần.

Điều 11. Cách tính điểm trung bình chung học tập (TBCHT), trung bình chung tích lũy (TBCTL) và xếp loại kết quả học tập

1. Học phần được tích lũy: là học phần có kết quả đạt từ 5,0 trở lên

2. Số TC tích lũy: là tổng số TC của các học phần đã tích lũy.

3. Điểm TBCHT của mỗi năm học: là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà SV đã học trong năm học (kể các học phần bị điểm <5,0), với trọng số là số TC của các học phần đó. Điểm TBCHT là cơ sở để đánh giá kết quả học tập.

4. Điểm TBCTL: là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy đến thời điểm xét (không bao gồm các học phần bị điểm <5,0). Điểm TBCHT và điểm TBCTL là cơ sở để đánh giá kết quả học tập trong suốt thời gian học, xếp hạng học lực, xếp hạng tốt nghiệp, được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

5. Điểm TBCHT và TBCTL được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^m a_i n_i}{\sum_{i=1}^m n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học tập năm học hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

m là tổng số học phần.

6. Xếp loại kết quả học tập

a) Loại đạt:	Từ 9,00 đến 10	Xuất sắc
	Từ 8,00 đến 8,99	Giỏi
	Từ 7,00 đến 7,99	Khá
	Từ 6,00 đến 6,99	Trung bình khá
	Từ 5,00 đến 5,99	Trung bình

b) Loại không đạt:	Từ 4,00 đến 4,99	Yếu
	Dưới 4,00	Kém

Điều 12. Điều kiện để SV được học tiếp, bị buộc thôi học, tạm ngừng học, nghỉ học tạm thời

1. Trước khi vào năm học mới, nhà trường căn cứ vào số học phần đã học, điểm trung bình chung học tập của các năm học đã qua và điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học để xét việc nghỉ học tạm thời, hoặc bị buộc thôi học của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên ở kỳ học hè (nếu có) được tính chung vào kết quả học tập của học kỳ chính kề trước.

2. SV được học tiếp lên năm học sau nếu có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có điểm trung bình chung học tập của năm học từ 5,00 trở lên;
b) Có khối lượng các học phần bị điểm dưới 5,0 tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét không quá 20 tín chỉ; SV phải học lại và thi trả nợ các học phần này ở các năm học tiếp theo.

3. Sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học tập của năm học dưới 3,50.
b) Có điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học dưới 4,00 sau 2 năm học, dưới 4,50 sau 3 năm học.

c) Đã hết thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy chế này;

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 của Điều 17 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách SV của trường

Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường có các chương trình đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học ở các trình độ thấp hơn thì những sinh viên này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới. Hiệu trưởng quyết định kết quả học tập được bảo lưu cho từng trường hợp cụ thể.

4. SV không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 và 3 của Điều này phải tạm ngừng học để có thời gian củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập. Thời gian tạm ngừng học được quy định như sau:

a) SV không thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo được ngừng học tối đa 4 năm cho toàn khóa học.

b) Trong thời gian tạm ngừng học, SV phải đăng ký học lại các học phần chưa đạt. Khoa quản lý SV xem xét, bố trí cho các SV này được học lại các học phần khi SV đề nghị.

5. Nghỉ học tạm thời: sinh viên được quyền gửi tới Hiệu trưởng đơn xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

a) Được động viên vào lực lượng vũ trang;
b) Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào tình trạng bị buộc thôi học và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy các học phần tính từ đầu khóa học không dưới **5,00**. Thời gian nghỉ học tạm thời trong trường hợp này được tính vào quỹ thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo.

Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải gửi đơn tới Hiệu trưởng ít nhất 1 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới .

Điều 13. Ưu tiên trong đào tạo

SV thuộc đối tượng ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh, đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành được cộng thêm thời gian tạm ngừng học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập. Thời gian tạm ngừng học tối đa không quá 5 năm cho toàn khóa học đối với chương trình đào tạo cao đẳng tại nhà trường.

Điều 14. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập nếu bản thân chuyển địa điểm làm việc hoặc có hoàn cảnh khó khăn cần thiết phải chuyển trường để có điều kiện học tập;

b) Trường xin chuyển đến và trường xin chuyển đi trong cùng một nhóm ngành đào tạo mà SV đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

b) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

c) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường Cao đẳng Bến Tre

3. Sinh viên chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường.

4. Trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và chương trình hiện tại của trường Cao đẳng Bến Tre, phòng Đào tạo giúp Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bến Tre quy định năm học và số học phần mà SV phải học bổ sung.

CHƯƠNG III XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 15. Làm khoá luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm khoá luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt mức yêu cầu do khoa chuyên môn đề nghị. Khoá luận tốt nghiệp được xem là học phần có khối lượng không quá 5 tín chỉ.

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên không được giao làm khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa học đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể trong một văn bản riêng về:

a) Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm khoá luận tốt nghiệp;

b) Hình thức và thời gian làm khoá luận tốt nghiệp;

- c) Hình thức chấm khoá luận tốt nghiệp;
- d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm khoá luận tốt nghiệp.

Điều 16. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;

2. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng phòng, khoa liên quan.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 17. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 9,00 đến 10,00
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 8,00 đến 8,99
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 7,00 đến 7,99
- d) Loại trung bình khá : Điểm trung bình chung tích lũy từ 6,00 đến 6,99
- e) Loại trung bình : Điểm trung bình chung tích lũy từ 5,00 đến 5,99

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
- b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).


4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 16 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo chính khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận của trường về các học phần đã học trong chương trình. Những sinh viên này có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy chế này.

CHƯƠNG IV XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.
2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.
3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

 **HIỆU TRƯỞNG**
Lê Thành Công